

HIỆU QUẢ KINH TẾ SẢN XUẤT CÀ PHÊ LIÊN KẾT CỦA HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

THE ECONOMIC EFFICIENCY OF CO-OPERATIVE COFFEE PRODUCTION OF HOUSEHOLDS IN CU MAGAR DISTRICT, DAKLAK PROVINCE

Bùi Ngọc Tân, Nguyễn Trịnh Thanh Nguyên, Phan Thị Cẩm Thạch

Trường Đại học Tây Nguyên; buitan.dhtn@gmail.com, thanhnguyentnu@gmail.com, camthachktnn@gmail.com

Tóm tắt - Thực tiễn sản xuất và nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc sản xuất cà phê liên kết tại Việt Nam mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho nông hộ, nâng cao chất lượng sản phẩm cà phê theo các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, góp phần tăng sức cạnh tranh và phát triển ngành cà phê bền vững. Nghiên cứu này thực hiện tại huyện Cư Mgar nhằm (i) Phân tích thực trạng sản xuất cà phê liên kết giữa doanh nghiệp và hộ nông dân trên địa bàn huyện những năm gần đây, (ii) Định lượng hiệu quả kinh tế sản xuất cà phê của nông hộ khi liên kết với doanh nghiệp, (iii) Đề xuất và bình luận. Kết quả nghiên cứu sử dụng số liệu thống kê tổng hợp từ các báo cáo của tỉnh Đắk Lắk và huyện Cư Mgar đồng thời bài viết sử dụng số liệu được nhóm tác giả điều tra tại 149 hộ nông dân trên địa bàn huyện Cư Mgar thuộc 3 xã, thị trấn có liên kết và không liên kết với doanh nghiệp để đánh giá hiệu quả liên kết sản xuất cà phê giữa doanh nghiệp và nông dân. Kết luận của nhóm tác giả là hộ sản xuất cà phê liên kết có năng suất trên một đơn vị diện tích cao hơn so với nhóm hộ không tham gia liên kết, tỷ suất giá trị sản xuất, giá trị gia tăng và tỷ suất thu nhập cao hơn so với hộ không liên kết lần lượt là 12,80%, 31,91% và 44,85%. Tuy nhiên, xu hướng gia tăng và sự phát triển của các hình thức liên kết giữa hộ sản xuất cà phê với các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê tại huyện Cư Mgar chịu sự tác động của nhiều nhân tố trong đó ràng buộc về chất lượng, giá cả và các hình thức hỗ trợ là những nguyên nhân chủ yếu.

Từ khóa - sản xuất cà phê liên kết, hiệu quả kinh tế, hộ nông dân, sản xuất cà phê bền vững, cà phê đạt chuẩn chất lượng.

Abstract - Reality and many studies indicate that Vietnam cooperative coffee production has brought about higher economic efficiency for households. It can promote the quality of coffee beans in order to reach international certificates and strengthen their competitiveness. Sustainable development of coffee production is another result of these coalitions. This paper chooses Cu Mgar district-DakLak province as a place to (i) analyse the main points of cooperative coffee production between enterprises and households in recent years, (ii) Calculate economic efficiency of households who joint in the coalition, (iii) Discuss results and give recommendations. The data has been collected by official reports of DakLak province and Cu Mgar district. In addition, the authors have made a survey on three communes and towns of Cu Mgar district. The survey on 149 samples which combine households in cooperation and non-cooperation concludes that there is a larger productivity of households in cooperation than others. Moreover, the households in cooperation get higher proportions of value production, value added and income/profits compared with non-cooperative households (12,80%, 31,91% and 44,85%, respectively). However, the orientation of increase and scales of cooperative coffee production in Cu Mgar district have been affected by a lot of factors. Particularly, the rules of standard, prices and the ways of support are the main reasons

Key words - cooperative coffee production; economic efficiency; household; sustainable coffee production; coffee of standard quality

1. Đặt vấn đề

Cây cà phê được trồng ở nước ta hơn 100 năm nay và đã khẳng định được chỗ đứng của mình trong tiến trình phát triển kinh tế nông nghiệp của đất nước, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay khi nước ta gia nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Theo niên giám thống kê Việt Nam 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê chỉ riêng năm 2014 đã đạt 3,6 tỷ USD chiếm hơn 10% tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, chủ yếu là xuất khẩu cà phê nhân xô chưa qua chế biến, hơn nữa chất lượng cà phê của nước ta còn thấp, chưa phù hợp với các tiêu chuẩn về sản xuất và xuất khẩu cà phê của thế giới nên thường bị “ép giá” dẫn đến hiệu quả kinh tế trong sản xuất cà phê chưa cao. Mặc dù diện tích, năng suất, sản lượng cà phê tăng khá nhanh và nhà nước đã có những quy hoạch dài hạn về vùng sản xuất, ban hành các định hướng chất lượng cà phê dựa trên mục tiêu sản xuất bền vững kết hợp với các chính sách thu hút, thúc đẩy công nghiệp chế biến nhưng do giá cả cà phê thường xuyên biến động, chi phí đầu tư sản xuất và chế biến tăng khá nhanh nên quy hoạch phát triển thường bị phá vỡ, công nghiệp chế biến và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường cà phê thế giới vẫn còn nhiều hạn chế.

Vì vậy, để tạo ra vùng sản xuất sản xuất cà phê bền

vững với quy mô lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất, chế biến cà phê cũng như giúp các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến, xuất khẩu cà phê đạt được sự ổn định lâu dài về nguồn nguyên liệu đầu vào thì vấn đề đang nhận được sự quan tâm lớn giai đoạn gần đây là liên kết trong sản xuất cà phê: “liên kết 4 nhà”. Cụ thể là, bên cạnh hoạt động định hướng, hỗ trợ thông qua các chính sách của “Nhà nước” cùng với các đóng góp về nghiên cứu, kỹ thuật của các “nhà khoa học” thì hiệu quả hoạt động liên kết tập trung chủ yếu vào mối quan hệ tương hỗ trực tiếp giữa hộ nông dân và doanh nghiệp.

Đắk Lắk là trung tâm sản xuất cà phê của cả nước- chiếm trên 50% tổng sản lượng nên hoạt động liên kết giữa doanh nghiệp với các nông hộ sản xuất cà phê đã được hình thành khá sớm, phát triển ngày càng đa dạng, quy mô ngày càng mở rộng với sự tham gia của nhiều loại hình doanh nghiệp, nhiều hình thức liên kết đã góp phần xây dựng vùng nguyên liệu sạch, thân thiện với môi trường, tạo sự chủ động nguồn hàng cà phê nhân xô chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu cà phê đạt được các chứng nhận chất lượng quốc tế đồng thời nâng cao được hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất cà phê tại các nông hộ.

Với diện tích tự nhiên 82.443 ha, trong đó, gần 70% là đất đỏ Bazan, huyện Cư M'gar có điều kiện thuận lợi để

phát triển cây cà phê. Thời gian gần đây, địa phương đang đẩy mạnh phát triển cà phê theo hướng bền vững. Trước hết là quan hệ sản xuất đã được tổ chức dưới nhiều hình thức phù hợp hơn, mối liên kết và hợp tác giữa lợi ích và trách nhiệm của “4 nhà” được quan tâm và chú trọng nhằm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên đất, nước và bảo vệ môi trường sinh thái ngày càng tốt hơn. Từ chương trình này, người nông dân được tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật một cách thuận lợi nhờ “bà đỡ” là các doanh nghiệp nên năng suất, chất lượng cà phê không ngừng được cải thiện. Thông qua mối liên kết giữa “4 nhà”, các doanh nghiệp như Công ty 2-9, Trung Nguyên, Đắk Man, Armajaro, Olam và Inexim hiện đang cùng người nông dân hợp tác đầu tư nhằm mở rộng chương trình sản xuất cà phê có thông tin, có chứng nhận như 4C, UTZ, Rainforest để nâng cao chuỗi giá trị gia tăng cho mặt hàng chiến lược này.

Tuy nhiên, một bộ phận các hộ sản xuất cà phê nơi đây vẫn canh tác theo phương pháp truyền thống, chưa ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất một phần do dân cư là người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tới 50% dân số của huyện dẫn đến năng suất, chất lượng cà phê không đồng đều ảnh hưởng đến giá cả, tiêu thụ, thu nhập của người dân. Do đó yêu cầu đặt ra hiện nay là phải tăng cường liên kết giữa người sản xuất cà phê và các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho hộ nông dân trong quá trình sản xuất giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tiêu thụ góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân.

Câu hỏi đặt ra cho hoạt động liên kết trong sản xuất cà phê giữa nông hộ và doanh nghiệp tại huyện Cư Mgar hiện nay là:

1. Những hình thức cà phê sản xuất liên kết hiện nay tại huyện Cumgar là gì? Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê có vai trò như thế nào trong hoạt động liên kết?
2. Hoạt động liên kết có nâng cao được hiệu quả kinh tế của sản xuất cà phê của nông hộ hay không (so sánh với nhóm hộ không tham gia liên kết tại địa phương)?
3. Làm thế nào để thúc đẩy, mở rộng hoạt động liên kết sản xuất cà phê theo định hướng phát triển bền vững và nâng cao được lợi ích của các bên tham gia liên kết?

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: Bài viết sử dụng cả số liệu sơ cấp và thứ cấp tổng hợp từ báo cáo tình hình thực hiện kinh tế xã hội của huyện và các cơ quan có liên quan và được xử lý bằng phần mềm Excel. Số liệu cơ cấp được thu thập từ phiếu điều tra theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên với 149 phiếu (điều tra ngẫu nhiên trên 3 xã, thị trấn có sản xuất cà phê liên kết lớn của huyện) để phân tích (trong đó có 90 hộ có liên kết, 59 hộ không tham gia liên kết sản xuất).

Phương pháp phân tích: Bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh nhằm đánh giá và so sánh hiệu quả sản xuất giữa hai nhóm hộ nông dân có liên kết và không có liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trên địa bàn. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu sử dụng trong bài viết đó là giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), thu

nhập hỗn hợp (MI) và tỷ lệ giữa các biến số kết quả.

3. Kết quả nghiên cứu và Bàn luận

3.1. Thực trạng sản xuất cà phê liên kết ở huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk

Cư M’gar là một huyện trọng điểm của Đắk Lắk về trồng cà phê liên kết để tạo ra nguồn nguyên liệu bền vững cho các công ty cà phê trong tỉnh cũng như cả nước. Trong những năm gần đây, công tác sản xuất cà phê bền vững được người dân trên địa bàn quan tâm và càng ngày càng có nhiều hộ dân tham gia. Từ chương trình phát triển cà phê bền vững, người nông dân được tiếp cận với các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, canh tác làm cho năng suất, sản lượng tăng, chất lượng nâng cao giúp tăng cường sự cạnh tranh sản phẩm. Đối với các doanh nghiệp sản xuất cà phê thực hiện cà phê có thông tin chứng nhận đã chủ động xây dựng vùng nguyên liệu ổn định. Các chương trình cà phê có thông tin chứng nhận như: chứng nhận UTZ, cà phê 4C, cà phê rừng mưa nhiệt đới (RFA), chứng nhận thương mại công bằng (Fairtrade). Đây cũng là xu hướng phát triển cà phê trong giai đoạn mới.

Với diện tích cà phê liên kết lên đến 15.077,2 ha và tổng sản lượng 52.011,3 tấn (năm 2015). Mô hình sản xuất cà phê liên kết được thực hiện trên 11 xã, thị trấn của huyện giữa nông dân và các doanh nghiệp điển hình như Công ty cà phê Olam, Công ty TNHH cà phê Trung Nguyên, Công ty Inexim, Công ty TNHH 2-9, Công ty THHH cà phê Đắk Man, Công ty TNHH Armajaro với số tổng số lượng hộ tham gia là 9.081 hộ và có xu hướng ngày càng tăng. Từ đó hình thành tổ chức kinh tế tập thể tham gia sản xuất cà phê bền vững có thông tin chứng nhận như: HTX dịch vụ nông nghiệp công bằng Ea Kiết; HTX dịch vụ nông nghiệp thương mại công bằng Cư DliêM’Nông; liên minh sản xuất cà phê bền vững Quảng Hiệp và hơn 48 câu lạc bộ. Nông dân liên kết với công ty theo hình thức chủ động tìm hiểu thông tin và thực hiện liên kết hoặc thông qua các tổ chức trung gian như các hợp tác xã sản xuất cà phê bền vững. Hình thức liên kết là kí hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Bảng 1. Diện tích và sản lượng cà phê liên kết của huyện Cư M’gar

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	2015/2014 (%)
1	Tổng DT cà phê kinh doanh (ha)	34.493	34.251	99,29
	+ Diện tích cà phê liên kết (ha)	7.493,1	15.077,2	201,21
	+ Tỉ lệ diện tích cà phê liên kết (%)	21,72	44,00	-
2	Tổng sản lượng cà phê (tấn)	82.739	82.673	99,92
	+ Sản lượng cà phê liên kết (tấn)	24.780,6	52.011,3	209,88
	+ Tỉ lệ sản lượng cà phê liên kết (%)	29,95	62,90	-

Nguồn: phòng NN và PTNT huyện Cư M’gar

Diện tích cà phê liên kết trên địa bàn huyện Cư M’gar tăng nhanh qua hai năm 2014 và 2015 cụ thể năm 2015 diện tích cà phê liên kết cao hơn 2 lần so với năm trước, và chiếm tỷ lệ

rất cao (cụ thể là chiếm 44%) trong tổng diện tích cà phê kinh doanh của huyện cho thấy nhận thức phát triển cà phê bền vững đảm bảo năng suất, sản lượng, chất lượng, hiệu quả cao trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo phương hướng ổn định lâu dài ngày càng được nâng cao. Tham gia liên kết để phát triển sản xuất cà phê bền vững có thông tin chứng nhận trên địa bàn huyện Cư M'gar bao gồm chứng nhận RFA, UTZ, 4C và Fairtrade trước hết người nông dân sản xuất cà phê thể hiện trách nhiệm với người tiêu dùng khi cung cấp sản phẩm an toàn, chất lượng sản phẩm được nâng cao, đồng thời có trách nhiệm với môi trường sinh thái trên địa bàn.

Khi tham gia sản xuất cà phê bền vững người nông dân được tiếp cận quy trình sản xuất cà phê tiên tiến thông qua các lớp tập huấn KHKT do viện WASI, Trung tâm khuyến nông tỉnh truyền đạt; được thực hành và hướng xây dựng sổ tay nông hộ (nhật kí nông hộ) để theo dõi sản xuất, tiết kiệm chi phí sản xuất,...; được hưởng chính sách về hỗ trợ giá của các công ty kinh doanh từ 200- 500 đồng/kg đối với cà phê chứng nhận 4C, UTZ, RFA, đặc biệt được cộng 2.200 đến 2.500 đồng/kg đối với cà phê chứng nhận Fairtrade (cộng 6.000 đồng/kg đối với thành viên sử dụng dịch vụ của HTX và được khen thưởng); thuận lợi trong tái canh cà phê (ghép cải tạo hoặc trồng tái canh) do đã được tiếp cận được các tiến bộ khoa học trong sản xuất cà phê; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình tái canh cà phê do bộ NN ban hành.

Bảng 2. Tổng hợp số lượng hộ nông dân, diện tích, sản lượng cà phê liên kết phân theo công ty của huyện Cư M'gar

T	Công ty	Số hộ	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	NSBQ (tấn/ha)
1	Armajaro	6.614	8.103	29.824	3,68
2	Đắk Man	1.497	2.684,2	10.649,3	3,96
3	Trung Nguyên	1.488	2.081	4.315	2,07
4	Olam	455	1.173	3.586	3,06
5	2-9	545	786	2.762	3,51
6	Inexim	206	250	875	3,50
7	Tổng	9.081	15.077,2	52.011,3	3,45

Nguồn: phòng NN và PTNN huyện Cư M'gar

Từ bảng 2 cho thấy hiện trên địa bàn huyện có 2 công ty cà phê hoạt động mạnh mẽ nhất là công ty TNHH Armajaro và công ty TNHH cà phê Đắk Man với số lượng thành viên lớn nhất, diện tích và sản lượng chiếm tỷ lệ lớn.

Khi tham gia liên kết, người trồng cà phê được các DN hỗ trợ nhiều mặt, nhất là tập huấn tiến bộ kỹ thuật giúp người nông dân từ bỏ dần thói quen canh tác truyền thống thiếu bền vững như trước, giảm thiểu chất độc hại trong canh tác, thâm canh mà thân thiện với môi trường. Sản phẩm cà phê của các hộ nông dân có thực hiện liên kết với công ty được sản xuất dựa trên sự hướng dẫn sát sao về mặt kỹ thuật từ phía công ty đã làm cho chất lượng sản phẩm đầu ra được nâng lên. Từ đó, có những tác động tích cực đối với sức khỏe và đời sống người lao động. Nông dân kí hợp đồng trực tiếp với công ty hoặc thông qua các tổ chức trung gian như HTX nông nghiệp dịch vụ công bằng là cầu nối giữa nông dân và công ty đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về chuyển giao khoa học kĩ thuật và tiêu thụ sản phẩm. Trong

hợp đồng ghi rõ quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia cũng như các điều khoản mà các bên phải chấp hành về sản phẩm như tối thiểu 90% trên sàng 16, cà phê không mùi khói, không mùi hóa chất, không lên men, không mùi lạ, không bị phun thuốc do đó giá cà phê đầu ra cũng được tăng lên, mua sản phẩm với giá cao hơn giá thị trường 100-200 đồng/kg. Tuy nhiên các công ty thường khắt khe hơn về mặt giá cả và các khâu đánh giá chất lượng sản phẩm, chưa bao tiêu toàn bộ sản phẩm đầu ra cho nông hộ điều đó đã làm cho sự gắn kết giữa nông dân và công ty trong khâu tiêu thụ sản phẩm vẫn còn lỏng lẻo.

3.2. Hiệu quả kinh tế sản xuất cà phê của hộ nông dân khi liên kết với các doanh nghiệp

Từ những lợi ích của việc liên kết đã giúp người nông dân về kỹ thuật, tài chính đã làm cho hiệu quả của việc liên kết và không liên kết trong sản xuất được biểu hiện rõ ràng. Năng suất cà phê của các hộ tham gia liên kết cao hơn 0,31 tấn/ha so với hộ không liên kết (hộ liên kết có năng suất 3,45 tấn/ha, hộ không tham gia liên kết có năng suất là 3,14 tấn/ha). Hiệu quả kinh tế được thể hiện qua bảng 4 bao gồm hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả sử dụng lao động và hiệu quả sử dụng vốn của nhóm hộ liên kết đều cao hơn nhóm hộ không liên kết.

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất cà phê liên kết của hộ nông dân năm 2015

Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng		So sánh (1)/(2)
		Liên kết (1)	Không liên kết (2)	
1. Hiệu quả sử dụng đất				
- GO/ha	1000đ	118.950	105.454	112,80
- VA/ha	1000đ	78.866	59.787	131,91
- Lợi nhuận/ha	1000đ	55.204	38.109	144,85
2. Hiệu quả sử dụng LĐ				
- GO/công LĐ	1000đ	800	634	126,18
- VA/công LĐ	1000đ	530	360	147,22
3. Hiệu quả sử dụng vốn				
- GO/IC	Lần	2,97	2,31	128,57
- VA/IC	Lần	1,97	1,31	150,38
- Lợi nhuận/IC	Lần	1,37	0,83	165,06

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Cụ thể, đối với hiệu quả sử dụng đất, so sánh giữa 02 nhóm hộ được điều tra ta thấy giá trị sản xuất cà phê/ha của nhóm hộ liên kết đạt 118.950 nghìn đồng/ha có tỷ suất cao hơn so với nhóm hộ không liên kết 12,80%. Bên cạnh đó, tỷ suất giá trị gia tăng của nhóm hộ liên kết cao hơn nhóm hộ không tham gia liên kết là 31,91%. Có được sự chênh lệch này là do năng suất của nhóm hộ có liên kết cao hơn so với nhóm hộ không liên kết, chi phí sản xuất lại ít hơn và một phần nữa là hộ có liên kết bán cà phê với giá bán ổn định và cao hơn.

Đối với hiệu quả sử dụng lao động, nhóm hộ tham gia

liên kết 1 công lao động tạo ra 800 nghìn đồng giá trị sản phẩm và có tỷ suất giá trị sản xuất cao hơn hộ không liên kết là 26,18%, tạo ra 530 nghìn đồng giá trị gia tăng. Tỷ suất giá trị gia tăng cao hơn so với hộ không liên kết 47,22%. Hộ không tham gia liên kết tạo ra giá trị thấp hơn điều này cho thấy khi tham gia liên kết sẽ tiết kiệm được công lao động do lao động đã được tập huấn nâng cao tay nghề trong các khâu sản xuất.

Hiệu quả sử dụng vốn cũng thể hiện được sự hiệu quả của việc liên kết trong sản xuất. Các hộ tham gia liên kết bỏ 1 đồng vốn sẽ thu được 2,97 đồng giá trị sản phẩm và 1,97 đồng giá trị gia tăng. Tỷ suất giá trị sản xuất và tỷ suất giá trị gia tăng trên chi phí trung gian của nhóm hộ liên kết cao hơn hộ không liên kết lần lượt là 28,57% và 50,38%

Hiệu quả kinh tế của việc liên kết không những đạt do có năng suất hơn mà còn đạt hiệu quả cao hơn về sử dụng đất, lao động và sử dụng vốn nhờ việc áp dụng hướng dẫn kỹ thuật làm cho chi phí thấp hơn và giá bán cũng cao hơn. Qua đó, khẳng định được hiệu quả kinh tế cao của sản xuất cà phê liên kết vì thế mô hình sản xuất này cần được bà con nông dân hưởng ứng và áp dụng.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất cà phê liên kết

Hiện nay, liên kết trong sản xuất là xu hướng phát triển mang lại nhiều lợi ích cho các bên. Các doanh nghiệp và nông hộ đã thực hiện tương đối tốt việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cà phê. Tuy nhiên sự liên kết trong tiêu thụ vẫn còn lỏng lẻo, chưa thật sự tạo được sự tin tưởng chặt chẽ giữa 02 bên làm cho hiệu quả của quá trình liên kết chưa đạt được tối ưu. Nếu tìm được sự liên kết chặt chẽ trong cả hoạt động sản xuất và tiêu thụ sẽ làm cho hai bên cùng có lợi: đó là sự bền vững về đầu ra sản phẩm, về số lượng và chất lượng nguyên liệu tránh được hiện tượng ép giá, hàng hoá bị trả về không đạt giá cả cao.

Để nâng cao hiệu quả liên kết trong sản xuất cà phê, cũng như mở rộng và phát triển mô hình này tác giả xin đề xuất một số giải pháp sau:

* Đối với nông hộ tham gia liên kết

- Tăng cường nguồn lực của nông hộ thông qua năng lực người lao động và tăng vốn sản xuất. Để làm điều này các nông hộ tích cực tham gia các lớp đào tạo kỹ thuật, đổi mới tư duy tăng dần việc áp dụng phương thức canh tác tiên bộ và hiệu một cách đầy đủ về lợi ích của việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, không ngừng nỗ lực tự nâng cao kiến thức, tiếp cận với khoa học hiện đại.

- Áp dụng nghiêm ngặt quy trình sản xuất cà phê vì hộ dân chính là người trực tiếp tham gia sản xuất để tạo ra sản phẩm, chất lượng sản phẩm cà phê cũng phụ thuộc vào quá trình canh tác và chăm sóc của người nông dân. Vì vậy trong quá trình liên kết vai trò của hộ dân là vô cùng quan trọng, để nâng cao năng lực của hộ nông dân, cần khuyến khích người dân áp dụng biện pháp lai ghép, cải tạo, thay thế giống cà phê kém hiệu quả bằng giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu sâu bệnh và đem lại hiệu quả cao hơn. Người dân cần có kế hoạch tái canh hợp lý, sử dụng công nghệ tiết kiệm nước tiết kiệm cho những vùng khan hiếm, tuân thủ theo nguyên tắc tưới đúng lúc, tưới đủ nước để giúp cho cây cà phê sinh trưởng và ra hoa tốt.

- Thực hiện tốt các điều khoản ký kết trong hợp đồng,

chia sẻ những khó khăn với các doanh nghiệp trong việc đảm bảo các điều kiện về sản phẩm, phổ biến và chia sẻ thông tin với các hộ chưa tham gia quá trình liên kết để mở rộng mô hình tại địa phương.

* Đối với các công ty

- Chủ động giúp người dân tái canh, cải tạo thay thế vườn cây cà phê lâu năm già cỗi, thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết, cùng người dân tháo gỡ các khó khăn trong quá trình thực hiện từ đó kịp thời đáp ứng, hỗ trợ cho hộ nông dân các vấn đề về tài chính và kỹ thuật làm sao cho người dân dễ hiểu, hiểu đúng để triển khai.

- Tiếp tục nâng cao trình độ cho cán bộ, người lao động trong công ty để nhận thức một cách đầy đủ lợi ích của việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cà phê. Công ty cần tham gia cùng địa phương và người dân nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi, mạng lưới truyền thông để cho người dân thấy được sự quan tâm của các doanh nghiệp đối với hộ nông dân từ đó tạo sự tin tưởng và gắn chặt lợi ích giữa doanh nghiệp và hộ nông dân

* Đối với chính quyền địa phương

Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các chủ thể liên kết, giúp họ hiểu rõ hơn lợi ích của việc tham gia liên kết và thực hiện đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ cũng như quyền lợi của mình trong quá trình liên kết. Đặc biệt là hệ thống chính trị cũng có sự tham gia trong việc đảm bảo thực hiện các quy hoạch của địa phương, các hợp đồng liên kết.

4. Kết luận

Cư M'gar là một huyện trọng điểm của Đắk Lắk về trồng cà phê liên kết để tạo ra nguồn nguyên liệu bền vững cho các công ty cà phê trong tỉnh cũng như cả nước. Tổng diện tích cà phê liên kết của huyện là 15.077,2 ha với tổng sản lượng lên đến 52.011,3 tấn chiếm 62,90% trong tổng sản lượng cà phê của toàn huyện. Mô hình sản xuất cà phê liên kết được thực hiện trên 11 xã với 9.081 hộ tham gia sản xuất cà phê chứng chỉ như UTZ, 4C, Rainforest, Fairtrade.

Sản xuất cà phê liên kết đạt hiệu quả kinh tế cao, năng suất bình quân 1ha cao hơn các hộ không sản xuất cà phê liên kết đạt 3,35 tấn/ha. Tỷ suất lợi nhuận của nhóm hộ liên kết cao hơn nhóm hộ không tham gia liên kết là 44,85%. Đối với hiệu quả sử dụng lao động, nhóm hộ tham gia liên kết có tỷ suất giá trị sản xuất, tỷ suất giá trị gia tăng cao hơn so với hộ không liên kết lần lượt là 26,18%, 47,22%. Tỷ suất giá trị sản xuất, tỷ suất giá trị gia tăng và tỷ suất lợi nhuận trên chi phí trung gian của nhóm hộ liên kết cao hơn hộ không liên kết lần lượt là 28,57%, 50,38% và 65,06%. Không chỉ đem lại hiệu quả kinh tế cao, sản xuất cà phê liên kết còn có hiệu quả xã hội nhất định: khi tham gia liên kết (sử dụng hết 146,48 công lao động/ha) các hộ đã tiết kiệm được 7,93 công lao động so với hộ không liên kết (sử dụng hết 156,39 công lao động/ha) tương ứng tỷ lệ giảm 5,07%. Từ đó tạo ra thu nhập bình quân/1 công lao động của hộ liên kết cao hơn hộ không liên kết là 6,09%.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất cà phê liên kết ở các nông hộ, các giải pháp đề ra bao gồm: Nâng cao năng lực của nông hộ, áp dụng nghiêm ngặt quy trình sản xuất cà phê liên kết, tăng cường hỗ trợ từ phía doanh nghiệp và các giải pháp khác về cơ chế quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quyết định số 3417/QĐ-BNN TT về phê duyệt đề án phát triển ngành cà phê bền vững đến năm 2020, 2014;
- [2] Hồ Quế Hậu, Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam, luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2012.
- [3] Trần Văn Hiếu, Thực trạng và giải pháp cho sự liên kết “bốn nhà” trong sản xuất và tiêu thụ nông sản ở đồng bằng sông Cửu Long, *Tạp chí khoa học số 23*, Trường Đại học Cần Thơ, 2004.
- [4] Huyện ủy Cư M'gar, Báo cáo sản xuất nông nghiệp năm 2013, 2014, 2015.
- [5] Huyện ủy Cư M'gar, Chương trình phát triển cà phê theo hướng bền vững giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020, 2011.
- [6] Eaton anh Shepher (2011), Contract Farming Partnership for Growth, *FAO Agricultural Services Bullentin* 145, pp.2.
- [7] Sykuta and Parcell (2003), Contract Structure and Design in Identity Preserved Soybean Production, *Review of Agricultural Economic* 25.

(BBT nhận bài: 21/11/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 03/4/2017)